

Số: 45 /2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp
chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp
cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/QH14;

Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tỷ lệ chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Nội vụ; cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được giao quản lý kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (viết tắt là cơ quan, đơn vị cấp tỉnh);

- b) Ủy ban nhân dân xã, phường;
- c) Người trực tiếp chi trả và tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng;
- d) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tỷ lệ chi phí quản lý

1. Các xã, phường có từ 01 đến dưới 10 đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên: Cấp xã 100% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh;
2. Các xã, phường có từ 10 đến dưới 60 đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên: Cấp tỉnh 15%; cấp xã 85% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh;
3. Các xã, phường có từ 60 đến dưới 200 đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên: Cấp tỉnh 25%; cấp xã 75% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh;
4. Các xã, phường có từ 200 đối tượng hưởng trợ cấp thường xuyên trở lên: Cấp tỉnh 35%; cấp xã 65% trên tổng chi phí quản lý được giao trong dự toán hằng năm của tỉnh.

Điều 3. Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng

1. Tại các xã, phường quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này: Bằng 1% trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng thuộc xã, phường;
2. Tại các xã, phường quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này: Bằng 0,85% trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng thuộc xã, phường;
3. Tại các xã, phường quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này: Bằng 0,80% trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng thuộc xã, phường;
4. Tại các xã, phường quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này: Bằng 0,75% trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng thuộc xã, phường.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí hằng năm trong dự toán ngân sách trung ương giao cho tỉnh.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp chuyên đề lần thứ năm thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hầu Minh Lợi